

DANH MỤC TÀI SẢN LÀ VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU THU HỒI SAU PHÁ DỠ

STT	DANH MỤC TÀI SẢN	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
I	Trạm Y Tế Hà Môn			
1	Cửa đi làm bằng sắt tôn	Bộ	10	
2	Xà gỗ sắt	Cây	20	
3	Tôn	Tấm	20	
II	Trạm Y Tế Ngọc Yêu			
1	Cửa sổ sắt(1,20m*1,80m)	Bộ	8	
2	Cửa đi sắt tôn(1,20m*2,60m)	Bộ	4	
3	Cửa kéo(2,90m*3,00m)	Bộ	1	
4	Xà gỗ (3m)	Cây	50	
5	Tôn (4m)	Tấm	52	
6	Nhà vòm(4m*14m)= 56m ²	Cái	1	
III	Trạm Y Tế xã Xốp			
1	Cửa sổ	Bộ	13	
2	Cửa đi	Bộ	10	
3	Xà gỗ (3m)	Cây	45	
4	Tôn (4m)	Tấm	42	
IV	Trạm Y Tế xã Văn xuôi			
1	Cửa sổ sắt(1,20m*1,80m)	Bộ	2	
2	Cửa đi sắt tôn(1,20m*2,60m)	Bộ	4	
3	Xà gỗ (4,5m)	cây	13	
4	Tôn (6,3m)	Tấm	4	
V	Trạm Y Tế xã Đắc Nhoong			
1	Cửa sổ sắt(1,20m*1,80m)	Bộ	7	
2	Cửa đi sắt tôn(1,20m*2,60m)	Bộ	6	
3	Xà gỗ (4,5m)	Cây	8	
4	Tôn (6,3m)	Tấm	10	
5	Cửa kéo(2,70m*2,5m)	Bộ	2	
6	Cửa kéo(3,2m*2,0m)			
VI	Trạm Y Tế xã Đắc Long			
1	Cửa sổ sắt(0,6m*0,6m)	Bộ	1	
2	Cửa sổ sắt(1,20m*1,70m)	Bộ	4	
3	Cửa sổ sắt(250m*1,70m)	Bộ	4	
4	Cửa đi sắt tôn(1,3m*2,50m =3)	Bộ	3	
5	Cửa đi sắt tôn(1,65m*2,50m =3)	Bộ	1	
6	Cửa đi sắt tôn(0,70m*2,50m =3)	Bộ	3	
7	Nhà để xe tạm 3*7m	Cái	1	
VII	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum			
1	Vật liệu thu hồi sau phá dỡ nhà phôi (C1)			
1.1	Mái tôn	m ²	200,259	
1.2	Kết cấu sắt thép	tấn	2,162	
2	Nhà chứa hóa chất vật tư y tế (C2)			

2.1	Mái tôn	m2	309,744	
2.2	Cửa	m2	92,76	
2.3	Kết cấu sắt thép	tấn	1,35648	
3	Vật liệu thu hồi sau phá dỡ khối nhà khoa dược (tháo dỡ 1 phần) (C3)			
3.1	Mái tôn	m2	95,8	
3.2	Cửa	m2	61,6	
3.3	Kết cấu sắt thép	tấn	0,294	
4	Vật liệu thu hồi sau phá dỡ nhà giặt - khoa dinh dưỡng - căn tin (C4-C9)			
4.1	Mái tôn	m2	887,76	
4.2	Cửa	m2	163,96	
4.3	Vách kính	m2	5,28	
4.4	Kết cấu sắt thép	tấn	2,886	
5	Vật liệu thu hồi sau phá dỡ hành lang nổi (C5)			
5.1	Mái tôn	m2	363,496	
5.2	Kết cấu sắt thép	tấn	0,704	
6	Vật liệu thu hồi sau phá dỡ khoa kiểm soát nhiễm khuẩn (C6)			
6.1	Mái tôn	m2	247,5	
6.2	Hệ lan can, lam thoáng	m2	130,47	
6.3	Cửa	m2	143,18	
6.4	Vách kính	m2	19,98	
6.5	Kết cấu sắt thép	tấn	0,684	
7	Vật liệu thu hồi sau phá dỡ khối nhà trung tâm oxy (C7)			
7.1	Vách tôn	m2	44,88	
7.2	Cửa	m2	20,6	
8	Vật liệu thu hồi sau phá dỡ nhà chứa lò đốt HOVAL MZ (C11)			
8.1	Mái tôn	m2	50,908	
8.2	Cửa	m2	66,24	
8.3	Kết cấu sắt thép	tấn	2,866	
9	Vật liệu thu hồi sau phá dỡ nhà chứa lò đốt TS20 (C12)			
9.1	Mái tôn	m2	35,364	
9.2	Cửa	m2	12,12	
9.3	Kết cấu sắt thép	tấn	0,486	
10	Vật liệu thu hồi sau phá dỡ nhà chứa lò đốt CHUWASTAR (C13)			
10.1	Mái tôn	m2	63,505	
10.2	Ô cửa lưới thép B40	m2	22,88	
10.3	Cửa	m2	6,16	
10.4	Kết cấu sắt thép	tấn	0,24	